TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 59/2022/QĐST- HNGĐ	*Đông Hà, ngày 04 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản chung được lập ngày 26 tháng 4 năm 2022, các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 58/2022/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Minh , sinh năm 1967; địa chỉ hộ khẩu thường trú: khu phố X, phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị;

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Minh T:

1. Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 7, Trịnh Hoài Đ, đường số X, khu phố T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị;

2. Ông Trần Văn H, sinh năm 1999; địa chỉ: 56A, Đ, Phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông Lê Minh T:

Ông Lê Hồng S – Luật sư của Công ty Luật hợp danh FDVN chi nhánh Thừa Thiên Huế; địa chỉ; 56A, Đ, Phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Bị đơn: Bà Phùng Thị Thanh T, sinh năm 1970; địa chỉ: khu phố X, phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Phùng Ngọc B, sinh năm 1930; trú tại: 3/20, đường T, khu phố 8, thị trấn C, huyện C, tỉnh Quảng Trị;

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về phân chia tài sản chung:

- Giao cho ông Lê Minh T được toàn quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với toàn bộ thửa đất số 52, tờ bản đồ số 02 diện tích 187m2, địa chỉ tại khu phố X, phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị và ngôi nhà trên đất có kết cấu 02 tầng, diện tích xây dựng 80,58m^2, diện tích sàn 161,16m^2 cũng như toàn bộ tài sản, vật dụng có trong ngôi nhà, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 188877, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01666 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 29/11/2011mang tên Phùng Thị Thanh T.

Trị giá nhà và đất là **8.000.000.000 đồng (tám tỷ đồng**).

- Ông Lê Minh T có nghĩa vụ giao cho bà Phùng Thị Thanh T số tiền chênh lệch chia tài sản là **4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng).**

Sau khi giao số tiền nêu trên cho bà Phùng Thị Thanh T, ông Lê Minh T được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục chỉnh lý biến động, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phùng Ngọc B do ông Phùng Ngọc B rút đơn yêu cầu *(đã được trả hết nợ)*.

3. Về án phí:

- Ông Lê Minh T và bà Phùng Thị Thanh T tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án ghi nhận nên không phải chịu án phí chia tài sản.

Trả lại cho ông Lê Minh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số CC/2021/0000176 ngày 17/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

- Ông Phùng Ngọc B không phải chịu án phí về yêu cầu độc lập, trả lại cho ông Phùng Ngọc B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 18.075.000 *đồng (mười tám triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số CC/2021/0000225 ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị .

- Trả lại cho ông Phùng Ngọc B Đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ kèm theo *(Nếu có yêu cầu)*.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS ND TP Đông Hà;
- THADS TP Đông Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đoàn Thị Quỳnh châu